TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 8 - 2018.

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Diễm và bà Trần Thị Quỳnh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Số 148 N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú tại: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Ngô Xuân V, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số 148 N, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Trần Thị Bích T trình bày:***

Chị và anh Ngô Xuân V tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 204, quyển số 01/2008 ngày 01/10/2008. Trong quá trình chung

sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung là Ngô Minh Y, sinh ngày 11/12/2016. Giao 02 con chung là Ngô Trâm A, sinh ngày 12/10/2008 và Ngô Việt A, sinh ngày 26/3/2011 cho anh V nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

**** Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Ngô Xuân V đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh V.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Ngô Xuân V.

Về con chung giao 01 con chung là Ngô Minh Y, sinh ngày 11/12/2016 cho chị T nuôi dưỡng và giao 02 con chung là Ngô Trâm A, sinh ngày 12/10/2008, Ngô Việt A, sinh ngày 26/3/2011 cho anh V nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Chị Trần Thị Bích T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Ngô Xuân V và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là

"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Ngô Xuân V nhưng anh V đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay anh V vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích T và anh Ngô Xuân V là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích T thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của chị và anh Ngô Xuân V đã xảy ra trong thời gian dài. Nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tình cảm chị T dành cho anh V không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh V nhưng anh V không có bất cứ văn bản nào trả lời cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của chị T. Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho anh, chị có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh V vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay anh V cũng vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân anh V cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với chị T. Ngoài ra theo kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai hiện nay chị T và anh V đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị T, anh V không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị T, anh V đã trầm trọng, không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu ly hôn với anh V.

2.3. Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi dưỡng 01 con chung là Ngô Minh Y, sinh ngày 11/12/2016. Giao 02 con chung là Ngô Trâm A, sinh ngày 12/10/2008 và Ngô Việt A sinh ngày 26/3/2011 cho anh V nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3.1. Tòa án đã thông báo cho anh V yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Minh Y của chị T nhưng anh V không có bất cứ ý kiến gì cung cấp cho Tòa án. Cháu Y hiện nay dưới 36 tháng tuổi và do chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định nên yêu

cầu nuôi dưỡng cháu Y của chị T có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Minh Y của chị T. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Y nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3.2. Đối với hai con chung là Ngô Trâm A, sinh ngày 12/10/2008 và Ngô Việt A, sinh ngày 26/3/2011 chị T yêu cầu anh V nuôi dưỡng, hai cháu Ngô Trâm A, Ngô Việt A hiện nay đang do anh V nuôi dưỡng và hai cháu cũng có nguyện vọng sống với anh V nên Hội đồng xét xử cần giao hai con chung là Ngô Trâm A, sinh ngày 12/10/2008 và Ngô Việt A, sinh ngày 26/3/2011 cho anh V nuôi dưỡng. Do anh V không có văn bản yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích T. Cho chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Ngô Xuân V.

2. Về con chung: Giao một con chung là Ngô Minh Y, sinh ngày 11/12/2016 cho chị Trần Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao hai con chung là Ngô Trâm A, sinh ngày 12/10/2008 và Ngô Việt A, sinh ngày 26/3/2011 cho anh Ngô Xuân V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Trần Thị Bích T và anh Ngô Xuân V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của nhau.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 000297 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh